

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

L'Asie nouvelle. — Deux personnalités.
Deux œuvres (1)

Đất Ấ-châu mới — Hai nhân-vật — Hai sự-nghiệp

III

Rabindranath Tagore (Suite)

Ce que le père avait voulu faire, le fils l'a réalisé. Santiniketan est ce qu'on appelle dans l'Inde un *Ashram* ; telle est la désignation officielle de l'établissement et je ne connais pas de terme qui puisse en être l'équivalent. Un *Ashram* est l'endroit où les sages se retirent loin du monde pour se préparer à la mort, à la grande communion spirituelle.

L'*Ashram* suppose et impose comme condition essentielle le contact, la vie dans la nature et la simplicité. Rousseau aurait certainement, au moins en théorie, beaucoup aimé la vie de l'*Ashram*. Ne cherchez pas de bâtiments sur les images que je vais vous montrer ; vous n'en trouverez pas ; il n'y en a pas.

L'École d'enfants qui, aujourd'hui, a deux ou trois cents élèves, est sous les arbres ; il n'y a pas de salles de cours. Si, par un hasard, d'ailleurs prodigieux, qui peut se produire une fois tous les trois mois, il tombe une ondée, selon le vieil usage brahmanique, il n'y a pas de classe. Il y a des abris en terre battue, couverts de chaume, qui servent de dortoirs et de dortoirs infiniment rustiques et simples. Sur une planche nue, l'enfant met une sorte de natte... et il est là très bien.

La vie est très bon marché. Représentez-vous que, pour l'université, la pension — je ne parle pas spécialement de

Ông Rabindranath Tagore

(Tiếp theo)

Việc ông cha trước định làm, nay ông con bèn thực-hành. Nơi *Santiniketan* đó ở Ấn-độ gọi là một nơi « tinh-xá » ; ấy là cái công-công-danh-từ như thế, tôi không biết dịch ra chữ gì cho đúng. Nơi « tinh-xá » là chỗ các bậc hiền-triết đến ẩn mình xa cõi đời, để sửa mình mà siêu-thăng nhập-định.

Ở nơi « tinh-xá » thời điều thứ nhất là phải sinh-hoạt một cách giản-dị, và hằng ngày tiếp-xúc với cảnh thiên-nhiên. Cứ cái lý-thuyết của Rousseau thì ông tất phải ưa cái lối sinh-hoạt ở « tinh-xá » lắm vậy. Tôi đưa ảnh nhà « tinh-xá » để các ngài xem, nhưng các ngài đừng tìm nhà-cửa gì, vì không có nhà-cửa chi cả.

Trường dạy trẻ, ngày nay có hai ba trăm học-trò, là ở dưới gốc cây ; không có lớp học. Nếu tình-cờ lạ-lùng mà có một trận mưa rào, — họa là ba tháng mới có một lần, — thì theo cổ-lệ Bà-lamôn nghỉ học. Có đặt những chỗ trú bằng vách đất trên lợp tranh, để dùng làm nhà ngủ, què-mùa giản-dị vô-cùng. Chỉ có tấm phản, trên giải chiếc chiếu... thế là trẻ nằm đấy cũng lấy làm dễ chịu lắm.

Sự ăn- uống rất rẻ. Như tiền lương học-trò trường Đại-học, — không phải nói riêng về *Santiniketan*, ở khắp cả

(1) Voir N.-P. n° 93, Supplément.

Santiniketan, il en est de même dans l'Inde entière — la pension d'un étudiant, nourriture, enseignement, tous frais compris, va de vingt à vingt-cinq roupies par mois, ce qui au change normal, je ne parle pas du change catastrophique d'aujourd'hui, représente environ 40 francs (or).

Dans ce cadre délicieux, Tagore a fait aux enfants une vie délicieuse. La journée s'ouvre par des chants, la journée finit par des chants ; dans sa passion pour les enfants, Tagore, à chaque instant, écrit de petites chansons nouvelles qui sont immédiatement apprises par cœur avec enthousiasme par les enfants qu'il aime si fort et dont il est le professeur. Le matin, on chante en chœur pour le commencement de la journée de travail ; le soir, dans la nuit tombante, quelquefois même dans la nuit tombée, par les beaux soirs de clair de lune, on se groupe et, assis sur le sol, on chante soutenu par la voix du poète qui est le chef de chœur.

L'enseignement montre bien l'inspiration de Tagore : l'enseignement est partie anglaise, partie Bengali. On veut ouvrir l'enfant à la vie du dehors, lui donner contact avec le grand monde, le monde lointain. Dans l'Inde, colonie britannique, c'est naturellement l'anglais qui est indiqué et qui d'ailleurs est nécessaire ; si on veut entrer à l'université, il faut posséder l'anglais.

Mais Tagore, dans son école, a pu donner une place au bengali qui lui est si cher, et dont il est la gloire ; car cette littérature, qui a produit tant de grands hommes et tant de grandes œuvres, n'a rien qui puisse lui être comparé ; il en est l'orgueil. Tagore enseigne donc le bengali avec passion tous les matins. Cet homme, dont l'existence est si remplie, qui est en correspondance avec l'univers entier, que l'on consulte sur toutes sortes de questions, qui, pour l'Inde, est un véritable oracle, tous les matins trouve plusieurs heures pour enseigner aux petits bambins de sept, huit et neuf ans, des éléments d'anglais et, lorsqu'il a fini sa leçon, pour les reprendre et leur ensei-

Ấn-độ cũng vậy, — kể tiền ở ăn, tiền học cùng các tạp-phí, mỗi tháng chừng hai-mươi đến hai-nhăm *roupies*, cứ cái giá hối-đoái bình-thường (chứ không nói cái giá hối-đoái tai-hại ngày nay) thời ước bằng 40 phật-lãng (vàng).

Trong cái cảnh êm-dềm đó, ông TAGORE cũng cho con trẻ siuh-hoạt một cách êm-dềm. Buổi sáng ca-xương ; buổi chiều cũng xươg-ca. Ông yêu-mến con trẻ quá, mỗi lúc soạn ra những bài ca mới nho-nhỏ, trẻ con vui-vẻ học thuộc lòng ngay tức-khắc, ông yêu bọn đó quá, tự làm như ông giáo cho bọn đó, Buổi sáng, cùng nhau đồng-thanh hát để bắt đầu ngày làm việc ; buổi chiều, lúc chập tối, có khi tối hẳn rồi, đêm có trăng sáng đẹp, họp nhau lại ngồi xươg đất, theo giọng ông xươg mà hát, ông làm như một viên nhạc-trưởng vậy.

Xem cách dạy học thì biết cái tôn-chỉ của ông TAGORE : dạy nửa bằng tiếng Anh, nửa bằng tiếng *bengali*. Muốn mở trí khôn cho con trẻ biết sự sinh-hoạt ở ngoài, cho được tiếp-xúc với thế-giới bao-la man-mác. Ở Ấn-độ là thuộc-địa Anh thời tất phải học tiếng Anh ; và cũng cần nữa, vì muốn vào Đại-học phải có biết tiếng Anh.

Nhưng trong trường học của ông cũng dạy cả tiếng *bengali* là tiếng quốc-âm của ông, ông lấy làm trân-trọng lắm và ông cũng làm cho vẻ-vang nhiều, vì cái văn-chương đó đã từng sản-đạo nhiều người tài, nhiều sách hay, nhưng không gì sánh đợc bằng ông ; ông thật là làm danh-giá cho thứ tiếng đó. Vậy mỗi buổi sáng ông dạy tiếng *bengali* một cách nhiệt-thành lắm. Ông là một người công-việc bận nhiều như thế, thường thư-trất vãng-lai với khắp cả thế-giới, chuyện gì cũng có người hỏi-han đến, đối với Ấn-độ thời như một bậc thá h-sur, cả nước ngưỡng-vọng, vậy mà sáng nào

gner des éléments de bengali. Il trouve même encore des moments perdus pour donner des leçons à des élèves sensiblement plus âgés.

Au point de vue religieux, Tagore a fait effort pour rester fidèle à la tradition nationale sans en être le prisonnier. Il a rompu avec les castes. Il n'a pas eu de peine, d'ailleurs, car il est lui-même non casté ; il appartient à une famille qui — voyez à quel point les choses sont symboliques — a eu le privilège d'être frappée d'exclusion de bonne heure. Son arrière-grand-père, car cela est d'un passé très lointain, a été jadis exclu de la caste brahmanique pour avoir déjeuné ou diné, on ne le sait pas au juste, avec des Européens ou des Musulmans, on ne le sait pas davantage ; mais c'était déjà le goût des étrangers qui l'avait amené à rompre avec sa société propre.

Le culte de Santiniketan est un culte dénationalisé, une sorte de service protestant à l'anglaise. Tous les mercredis, on se réunit dans une espèce de chapelle, construite en verre et qui est l'horreur de ce coin charmant ; le poète lit un texte tiré d'une *upanishad*, le commente, fait une sorte de sermon laïque ; on chante et on se sépare.

L'*ashram* justifie encore son nom par une autre activité. Ces ermitages, dans lesquels les saints allaient autrefois s'établir loin du monde, étaient des foyers de missions brahmaniques. C'est ainsi que, petit à petit, continuellement, aujourd'hui encore, l'Inde entre dans les cadres du brahmanisme qui, pour elle, est la culture supérieure ; car l'Inde est encore pleine

cũng dành được mấy giờ đồng-hồ để dạy tiếng Anh cho lũ con trẻ lên bảy, lên tám, lên chín tuổi, dạy xong bằng tiếng Anh rồi, lại ôn lại và dạy bằng tiếng *bengali*. Lại còn có lúc rồi dạy những học-trò lớn hơn nữa.

Về đường tôn-giáo thì ông TAGORE muốn cố giữ lấy cái tổ-truyền của nước mình, nhưng không muốn bị bó-huộc vào đó. Ông đã đoạn-tuyệt với cái chủ-nghĩa giai-cấp. Kể đối với ông cũng không khó gì, vì chính ông không thuộc về giai-cấp nào. Nhà ông đã được cái hân-hạnh bị trục-xuất giai-cấp sớm lắm (nghiệm điều đó thì biết sự đời cũng có ý-nghĩa lắm). Tầng-tổ ông — vì chuyện này thuộc về một thời-dại quá-khứ đã xa lắm rồi, — hồi xưa trục-xuất ra ngoài giai-cấp Ba-la-môn vì đã ngồi ăn cơm trưa hay ăn cơm tối, cũng không rõ nữa, với người Âu-châu hay người Hồi-hồi, cũng không tường nữa. Nhưng cũng là tại thích giao-du với người ngoại-quốc mà phải đoạn-tuyệt với xã-hội riêng của mình.

Lối lễ-bái ở viện *Santiniketan*, là một lối lễ-bái đã mất cái tinh-cách quốc-gia của Ấn-độ, khác nào như lối lễ-tân-giáo của người Anh. Trong viện có lập một cái nhà thờ che bằng mặt kính — ở nơi phong-thủ này mà làm một cái nhà kiêu đó thì thật là quá-igở, — cứ đến ngày thứ tư thì họp ở đấy ; ông đọc một bài trong cõ-kinh Âu-bà-ni-tát, giảng nghĩa, làm một bài diễn-thuyết về đạo mà không có cái tinh-cách tôn-giáo ; rồi cùng nhau xướng hát lên, xong rồi về.

Nhà tinh-xá lại còn một cách hành-động nữa xứng-dáng với cái tên đó. Tinh-xá ngày xưa là nơi những nhà tu-hành đạo-dức đến lánh mình xa tục ở đấy, để dự-bị mà di truyền-bá đạo Bà-la-môn khắp mọi nơi. Nhờ đó nên dần dần cả đất Ấn-độ vào phạm-vi đạo Bà-la-môn, ngày này cũng còn thế, vì đạo

de tribus à demi-sauvages. C'est un charme encore qui s'ajoute à Santiniketan que celui-là.

Santiniketan n'est pas construit dans un monde hindou. En véritable *ashram*, Santiniketan est construit sur la frontière des Hindous ; les villages qui l'entourent ne sont pas habités par des Hindous ; ils sont habités par des populations, sans doute antérieures à l'arrivée des Aryens, qui, après trois, quatre ou cinq mille ans — nous ne le savons pas, leur histoire se perd dans la nuit des temps — gardent leur langue, leur culture, leurs usages, les goûts qui leur sont traditionnels, en particulier le goût de la vie nomade qui les pousse à abandonner brusquement un village, pour un caprice quelconque, et à chercher à cinquante ou soixante kilomètres de là un coin où ils bâtiront leurs huttes de terre qui, d'ailleurs, sont d'une propreté parfaite et qui ont, elles aussi, un goût d'art. C'est une véritable peinture de vases grecs qu'on a sous les yeux quand on regarde passer sur les petits sentiers de la région ces Sonthals, allant au travail le matin, rentrant du travail le soir ; ils se suivent à la file indienne ; un homme en tête joue du pipeau, esquissant des gestes élégants ; en général, derrière lui et à distance, un groupe de femmes ferme la marche, se tenant par la taille et dansant avec un rythme délicieux.

Tagore a voulu accomplir un progrès de plus. A l'école, il a voulu superposer une université. Ne soyez d'ailleurs pas dupes des mots. Université signifie bien des choses ; ce qu'on appelle université en Extrême-Orient ne ressemble pas à ce que nous entendons ici par ce terme, c'est simplement une école pour de grands jeunes gens. Pour peupler son université, Tagore a pensé d'abord à ses jeunes professeurs.

Le nombre d'enfants qui lui sont confiés va grandissant, à l'heure actuelle il a

Bà-la-môn đối với Ấn-độ là cái văn-hóa cao-tuyệt nhất, và tới nay ở đất Ấn-độ cũng còn vô-số những rợ nửa dã-man. Đó lại là một cái phong-thú mới cho viện Santiniketan.

Santiniketan không phải ở trong nội-địa Ấn-độ. Santiniketan là một nơi *ashram*, nên ở vào biên-thùy cõi Ấn-độ ; những làng xóm chung quanh không phải người Ấn-độ ở. Hồ-dân ở đây chắc là có từ trước khi dân *Aryens* đến Ấn-độ, có lẽ đã qua ba, bốn, năm nghìn năm, — không biết đích được, vì lịch-sử của họ xa-xôi mờ-mịt lắm, — mà còn giữ được ngữ-ngôn, phong-hóa, tập-tục, thói cách riêng từ xưa đến giờ, như cái thói « du-mục », ngẫu-nhiên vô-cố bỏ làng đi cách 50. 60 cây-lô-mét xa kiếm lấy chỗ nào dựng lều bằng đất ở đó, cách xây dựng sơ-sài nhưng mà nhà-cửa sạch-sẽ lắm và cũng có cái khi-vị mỹ-thuật vậy. Người thổ-dân ấy là rợ *Sonthals* ; trông thấy bọn họ đi trên những con đường nhỏ miền đó, sớm đi làm, tối về nhà, rõ thật như tranh vẽ ở các lọ cổ Hi-lạp ; đi theo nhau hàng một, một người đàn ông đi đầu thổi sáo, cử-động êm-ái ; thường thường thời cách xa theo sau có một lũ đàn bà đi cuối đám nắm nhau vào chỗ thắt lưng và cùng nhau nhảy múa dip-dàng lắm.

Ông TAGORE lại muốn làm một sự tấn-tới hơn nữa. Trên trường tiểu-học ông lại muốn đặt một trường Đại-học. Các ngài đừng hiểu lầm chữ đó. Chữ Đại-học có nhiều nghĩa lắm ; Đại-học ở Á-Đông không có giống Đại-học ở phương-tây ; đại-học chẳng qua là cái trường cho học-sinh đã lớn tuổi mà thôi. Muốn cho trường Đại-học của ông có người, ông TAGORE trước nhất nghĩ đến bọn thầy giáo tiểu-học.

Số học trò nhỏ đến học trường ông ngày nay mỗi ngày một nhiều, hiện

quelques trois cents élèves ; il faut un assez grand nombre de jeunes gens pour les instruire ; ces jeunes gens eux-mêmes ont besoin de recevoir un enseignement. Il faut donc créer une université.

D'autre part, les grèves fréquentes ont chassé des universités régulières un assez grand nombre de jeunes gens qui ne veulent pas suspendre leur travail ; la maison de Tagore s'est ouverte à eux.

Le choix des professeurs était plus difficile ; mais la séduction de Tagore est si forte qu'il a eu ce qu'il voulait. J'aime à rappeler l'histoire d'un des plus remarquables d'entre eux, Kshiti Mohan Sen. Grand savant et bon médecin, il vivait à Calcutta où il exerçait sa profession, Tagore entend parler de lui ; il lui écrit : « J'ai besoin de vous ». « Non, lui répond modestement M. Sen, je ne suis pas l'homme que vous croyez ; je ne suis qu'un tout petit homme ».

Tagore lui répond :

« Précisément, vous êtes l'homme dont j'ai besoin ; il me faut un tout petit homme. » M. Sen n'a pas pu se dérober ; il a répondu à l'invitation de Tagore et, à l'heure actuelle, il est une des lumières de l'*ashram*.

Vous apprendrez certainement avec plaisir que le français n'a pas été négligé ; il est peut-être même enseigné avec plus d'éclat que l'anglais. Je m'empresse de dire que nous avons trouvé ici des concours précieux pour aider Tagore dans cette voie. La colonie hindoue de Paris lui a donné 30.000 francs pour acheter des livres français. Le ministère des affaires étrangères a compris l'intérêt de cette œuvre et a donné largement. Enfin la ville de Strasbourg, où Tagore était passé en 1921, a voulu commémorer son passage et a offert 12.000 francs, pour acheter une collection de classiques français. Si bien que la bibliothèque française de Santiniketan est la plus belle collection de livres français que l'on puisse trouver en Extrême-Orient.

giờ có tới ba trăm ; phải cần đến cũng khá nhiều những bậc thanh-niên có học để dạy bọn đó ; bậc thanh-niên ấy cũng lại cần phải học thêm nữa. Vậy thời phải đặt ra một trường Đại-học.

Vả lại ở các trường Đại-học nhà nước thường có bãi-học luôn, có nhiều người trẻ tuổi không muốn nghỉ học, phải kiếm chỗ mà học ; trường của ông TAGORE là sẵn mở cho bọn đó.

Chọn thầy giáo mới khó hơn ; nhưng ông TAGORE có cái tài cảm người mạnh quả, nên muốn sao được vậy. Tôi muốn thuật lại chuyện một ông giáo lỗi-lạc kia, tên là KSHITI MOHAN SEN. Ông là tay bác-học thâm, tay thầy thuốc giỏi, bấy giờ đương làm thuốc ở Calcutta. Ông TAGORE nghe nói đến ông, liền viết thư, nói : « Tôi cần đến thầy. » Ông SEN tự-khiêm trả lời rằng : « Không, tiên-sinh xét làm, tôi chỉ là một kẻ vi-tiện bất-tài. »

Ông TAGORE trả lời :

« Chính thầy là người cần cho tôi ; tôi muốn dùng một kẻ vi-tiện bất-tài. » Ông SEN không thể từ chối được ; ông theo lời thỉnh-cầu của ông TAGORE, và hiện nay là một bậc danh-sư ở chốn tinh-xá.

Trong tinh-xá cũng có học chữ Pháp, các ngài nghe điều đó chắc lấy làm mừng ; và tiếng Pháp dạy có lẽ lại xuất-sắc hơn tiếng Anh. Tôi xin nói ngay để các ngài biết rằng được như vậy cũng là nhờ được ở nước Pháp ta đây có nhiều người giúp cho ông TAGORE đắc-lực lắm. Người Ấn-độ kiều-cư ở Paris có tặng ông 3 vạn quan để mua sách Pháp. Bộ Ngoại-giao Pháp, cũng hiểu rõ sự ích-lợi của việc ông làm đó và trợ-cấp cho cũng nhiều. Lại năm 1921, ông có qua thành Strasbourg, thành này muốn kỷ-niệm sự ông qua chơi đó, có tặng ông 1 vạn 2 nghìn quan để mua một

L'œuvre de Tagore devait être à la fois nationaliste et internationale ; il lui fallait des professeurs venus du dehors. Il n'a aucune hostilité contre les Anglais ; il a même une conception, que je ne trahis pas, car il la déclare très franchement, comme il fait pour tout. Pour lui, l'Anglais est le gendarme.

« L'Inde, dit-il, a besoin d'un gendarme. Nous sommes des groupes hétérogènes qui n'avons pas pu arriver encore à une fusion profonde ; nous ne pouvons pas constituer une nation ; nous avons des croyances opposées.

« Le groupe musulman, considérable, actif et agissant, risque de l'emporter sur le groupe hindou pourtant beaucoup plus nombreux. Il nous faut un gendarme ; il est juste que le gendarme soit payé ».

Tagore entend donc servir le Gouvernement anglais ; je dirais volontiers qu'il entend le servir comme le Christ servait César.

Mais il reproche à l'Angleterre de s'interposer entre l'Inde et le reste du monde. Fort sagement, fort prudemment, il lui reproche de rétrécir l'horizon mondial pour elle ; il veut, par tous ses efforts, mettre l'Inde en contact direct avec les aspects multiples de l'esprit européen. Il m'a fait le très grand honneur de m'inviter à venir, moi le premier, inaugurer ce qu'il appelle son université.

bộ các danh-văn Pháp. Thành ra cái thư-viện chữ Pháp ở Santiniketan là một kho sách Pháp quý nhất ở Á-Đông.

Sự-nghiệp ông TAGORE vừa thuộc về chủ-nghĩa quốc-gia, vừa thuộc về chủ-nghĩa quốc-tế ; cần phải có thầy giáo ngoại-quốc đến giúp. Ông không có hiềm-ky gì người Anh ; ông lại có một cái tư-trởng riêng đối với người Anh, tôi tưởng tôi nói ra đây cũng không phải là cáo-giác sự bi-mật gì, vì ông có tinh thẳng lắm, việc gì cũng tuyên-bố ra rõ-ràng : ông cho người Anh là người lính « sen-dầm » cho Ấn-độ vậy.

Ông nói rằng : « Ấn-độ phải cần có một người lính sen-dầm. Nước chúng tôi có nhiều giống người tạp-nhập, chưa thể đồng-hóa cho hòa-hợp được ; chưa thể thành một quốc-gia ; sự tin-ngưỡng lại phản-trái nhau.

« Bọn Hồi-dân, số người nhiều, tinh cần-mẫn, có cái nguy lẫn mất bọn Ấn-dân, tuy nhiều hơn nhưng không mạnh bằng. Phải có một người sen-dầm ; người ta làm sen-dầm cho mình thì trả công người ta cũng la đáng. »

Vậy thời ông TAGORE vẫn có ý muốn giúp chính-phủ Anh ; tôi lại dám nói rằng ông muốn phụng-sự chính-phủ Anh cũng như Đức Gia-tô phụng-sự vua La-mã vậy.

Nhưng ông trách nước Anh là muốn chặn đường không cho Ấn-độ giao-thông với ngoài. Ông trách là làm hẹp mất cái nhỡn-giới của Ấn-độ đi, trách một cách rất là cẩn-thận, khôn-ngoan ; ông muốn hết sức khiến cho Ấn-độ được tiếp-xúc với các cái trạng-thái phức-tạp của thần-tri Âu-châu. Ông có mời tôi đầu tiên đến khánh-thành trường Đại-học cho ông, thật là cho tôi một sự danh-dự rất lớn.

Après moi, il a trouvé, pour me remplacer, un professeur de l'université allemande de Prague, qui a passé la plus grande partie de sa vie en Angleterre ; c'est un international européen parfait ; il a donné un enseignement très apprécié.

A côté des professeurs réguliers, on voit passer, comme il faut s'y attendre auprès d'un homme aussi fantaisiste que Tagore et dans un pays comme l'Inde, des types singuliers.

Pour mon compte, j'ai vu, entre autres, un Juif polonais qui descendait de l'Himalaya ; il y avait été, paraît-il, disciple des « Yogi » ; il avait été chimiste au Canada, au Cap, en Sibérie et je crois qu'il était aussi fumiste. Quoi qu'il en soit, il a offert de donner des cours à l'université de Tagore, ou tout au moins à l'école. Avec sa bonne humeur habituelle, Tagore l'a agréé. Il a enseigné pendant un mois et demi et, un beau jour, il a disparu sans laisser de race.

De même, pendant mon séjour, on a vu passer un peintre tchèque, dont je ne trahirai pas le nom, je ne l'ai jamais connu ; il se flattait d'avoir passé sept années à loger dans les arbres dans le sud de l'Inde, il prétendait apporter des théories qui devaient renverser tout le passé de la Peinture dans l'Inde et l'Europe ; il a demandé à donner des cours ; lui aussi, avant même de commencer, soudainement, un beau jour il a disparu. C'est vraiment un pays de rêve prodigieux.

Santiniketan signifie Asile de l'Apaisement. Tagore croyait bien de bonne foi s'isoler du monde, et mener encore la vie des ascètes d'autrefois, ignorant tout

Sau toi thời ông có chọn một ông giáo trường Đại-học Đức ở Prague, để thay tôi ; ông này sinh-hoạt phần nhiều ở bên Anh, thật là một tay « quốc-tế nhân-vật » Âu-châu hoàn-toàn ; ông dạy học có giá-trị lắm.

Ngoài những ông giáo chính-thức đó, còn có hạng khác cũng kỳ, vì một người phiếm-dật như ông TAGORE và một xứ như xứ Ấn-độ không khỏi có những hạng đó được.

Về phần riêng tôi thời cũng được biết mấy kẻ, thứ nhất là một người Do-thái nước Ba-lan, bấy giờ mới ở Hỉ-mã-lạp-sơn xuống ; nghe đâu đã từng học đạo « Gia-du » ở trên đó ; trước kia đã làm nghề hóa-học ở Giannā-dai, ở Cap, ở Tây-bá-lợi-á, và tôi xét ra cũng là một tay « lâu-cá ». Dù thế nào mặc lòng, người ấy xin đến dạy ở trường Đại-học ông TAGORE, hay không thời dạy tiểu-học cũng được. Ông TAGORE vốn tính dung-hòa, vui lòng nhận ngay. Người ấy dạy được một tháng rưỡi, rồi một buổi đi biệt, không để tâm-tích gì nữa.

Lại hồi tôi ở đấy, cũng có thấy qua một tay hội-họa người Tchèque, tôi không muốn lộ tên làm chi, tôi không từng biết bao giờ ; thường phở rằng đã bấy năm ở trên cây về phía Nam Ấn-độ, lại tự-phụ rằng đã tìm được nhiều phép hội-họa có thể làm cho diên-dào cả lịch-sử họa-học ở Ấn-độ và Âu-châu ; cũng đến xin dạy học ở đấy ; nhưng cũng chợt một hôm biến đi mất, chưa từng bắt đầu dạy nữa. Đất này thật là một cái đất mộng kỳ.

Tiếng Santiniketan nghĩa là nơi bình-tĩnh. Ông TAGORE cũng thực bụng tưởng rằng đến đấy để lánh xa cõi đời, sinh-hoạt như các nhà tu-hành khổ-hạnh

de ce qui se passait au dehors. Il en a fait l'expérience; il a pu se rendre compte qu'à l'heure actuelle ce serait d'un égoïsme féroce que de réaliser une pareille existence.

On lit avec passion, dans la jeunesse qui l'entoure, le journal de Gandhi; on se l'arrache; on se le dispute.

Mieux encore, lorsque Gandhi a voulu fonder un *ashram*, lorsque, au commencement de sa carrière politique, il a voulu lui aussi avoir un ermitage dans lequel il aurait pu attirer ses disciples. Tagore lui a offert l'hospitalité à Santiniketan. C'est là que, pendant six mois, Gandhi a soutenu la doctrine du Khadar (tissu indigène) et du Charka (roue). Le jour de l'arrestation de Gandhi; nous nous trouvions à Santiniketan et on avait, dans cet asile de l'apaisement, l'impression d'un deuil national; tout le monde était atterré.

Un autre jour, lorsque la nouvelle est venue que l'Irlande était reconnue comme « Etat libre » par l'Angleterre, les étudiants et les enfants ont voulu organiser une fête. Et Tagore, qui est un homme d'expérience, leur a dit :

« Non, attendons; la nouvelle n'est pas officielle; peut-être sera-t-elle démentie demain. »

SYLVAIN LÉVI (1)

(à suivre)

ngày xưa, mang-nhiên không biết gì đến chuyện ngoài cả. Ông đã từng thí-nghiệm, ông hiểu rằng hiện thời-đại này mà thực-hành cái cách sinh-hoạt như thế thì thật là nhân-tâm duy-kỷ quá.

Bọn thanh-niên ở quanh ông ham đọc báo của ông GANDHI lắm; tranh nhau, dăng nhau mà đọc

Không những thế mà thôi. Khi ông GANDHI mới bắt đầu vận-dộng về việc chính-trị, cũng muốn lập một nhà tinh-xá, để làm chỗ dẫn-dụ đồ-đệ. Ông TAGORE liền mời ông đến ở Santiniketan. Chính ở đây trong sáu tháng ông GANDHI xướng ra cái thuyết về Khadar và Charda, nghĩa là người Ấn-độ phải dệt vải Ấn-độ bằng cái khung cũ của n-độ. Ngày ông GANDHI bị bắt, chúng tôi còn ở Santiniketan; ở chốn tĩnh-mịch như thế, mà được tin ấy, có cái cảm-giác như một cái tang chung cho cả nước; ai cũng sinh lòng phiến-não.

Có một ngày khác, được tin rằng nước Anh đã cho Ái-nhĩ-lan làm một nước độc-lập; học trò lớn bé muốn làm hội ăn mừng. Ông TAGORE đã từng trải sự đời mà biết, bảo bọn đó rằng:

— Đừng làm vội, hãy đợi xem; tin chưa phải là tin công-báo; có lẽ ngày mai lại có tin bác đi chẳng.

(Còn nữa)

(1) Conférence faite à la Société de Géographie de Paris. Reproduite par l'Esprit économique de l'Indochine.